

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST

Ngày: 03/4/2023.

V/v: Tranh chấp hợp đồng hội, họ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Liêm.

2. Ông Lý Tuấn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 03 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 162/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2022, về việc: “Tranh chấp hợp đồng hội, họ”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-DS, ngày 20 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị T – sinh năm 1975, có mặt.

Địa chỉ: ấp Ch, xã V, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị O – sinh năm 1970, có mặt.

Ông Trần Văn H – sinh năm 1969 - Ủy quyền cho bà Nguyễn Thị O.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã V, Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/10/2022, bản tự khai và lời trình bày của bà Mai Thị T như sau:

Vào năm 2016, bà có tham gia chơi hội do vợ chồng ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị O làm chủ hội, phía vợ chồng bà O, ông H ngưng xổ hội, sau khi cộng các chân hội thì tổng số tiền vợ chồng bà O, ông H nợ bà bằng 65.500.000 đồng, nhưng sau đó đã trả cho bà được 42.000.000 đồng, hiện còn nợ bà 23.500.000 đồng.

Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Gò Quao buộc ông Trần Văn H và bà Nguyễn Thị O phải trả cho bà số tiền 23.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên từ tháng 01/2020 bằng 1%/tháng đối với số tiền này từ tháng 01/2020 cho đến nay là 32 tháng, với tổng số tiền lãi bằng 7.520.000 đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thị O trình bày:

Vợ chồng bà có làm chủ hội và bà Mai Thị T có tham gia chơi hội do bà làm chủ hội, phía bà T chơi bao nhiêu chân hội bà không nhớ nhưng bà xác nhận hiện tại vợ chồng bà còn nợ bà T số tiền 23.500.000 đồng vốn. Từ tháng 01/2020 đến nay bà không trả vốn và lời cho bà T.

Hiện vợ chồng bà khó khăn do còn nợ nhiều người nên bà xin trả dần số tiền trên hàng tháng, mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng. Thời gian, tính từ ngày 01/4/2023 cho đến khi trả hết số tiền trên.

Bà xin bà T không tính lãi vì đây là hội mua đã có lời, nhưng tất cả đều là hội sống.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Mai Thị T yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị O, ông Trần Văn H phải trả cho bà 23.500.000 đồng tiền hội còn nợ cùng tiền lãi theo quy định của pháp luật từ tháng 01/2020 đến nay bằng 32 tháng và phải trả hết 01 lần không đồng ý cho vợ chồng ông H, bà O trả dần số nợ trên, lý do vì vợ chồng ông H và bà O có khả năng trả nợ và số tiền này đã nợ bà khá lâu rồi.

Tại phiên tòa bà O thừa nhận hiện còn nợ bà T số tiền 23.500.000 đồng và đồng ý trả số tiền trên cùng lãi suất theo quy định của pháp luật cho bà T nhưng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Tranh chấp giữa bà Mai Thị T với bà Nguyễn Thị O và ông Trần Văn H là tranh chấp về dân sự được quy định tại Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] *Về nội dung*: Quan hệ tranh chấp giữa bà Mai Thị T và bà Nguyễn Thị O, ông Trần Văn H là tranh chấp hợp đồng hội, họ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Bà Nguyễn Thị O làm chủ hội và bà Mai Thị T có tham gia chơi hội do bà O làm chủ hội. Bà T tham gia chơi nhiều chân hội và mua hội, quá trình chơi hội bà T đã đóng hội đầy đủ cho bà O nhưng phía bà O không thực hiện nghĩa

vụ của chủ hội mà ngưng xổ hội và âm thầm bỏ địa phương đi một thời gian, sau đó bà O về chốt tiền hội với bà và trả cho bà được hơn một nửa số tiền hội, hiện còn nợ số tiền 23.500.000 đồng và vợ chồng ông H, bà O không chịu trả cho bà. Quá trình chơi hội bà T đã đóng hội cho đến khi hội gần mãn thì bà O tuyên bố bỏ hội. Theo quy định tại Điều 18 Nghị định 19/21019/NĐ-CP, ngày 29/02/2019 về nghĩa vụ của chủ hội thì bà O phải giao đủ tiền hội cho bà T theo thỏa thuận nhưng bà O không thực hiện nghĩa vụ. Bà O và ông H thừa nhận hiện còn nợ bà T tổng số tiền bằng 23.500.000 đồng, số tiền này được bị đơn thừa nhận nên theo quy định tại Điều 92 Bộ Luật tố tụng dân sự không cần phải chứng minh, vì vậy, yêu cầu khởi kiện của bà T là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Phía bị đơn bà O, ông H xin trả dần số tiền nợ 23.500.000 đồng hàng tháng, mỗi tháng bằng 1.000.000 đồng nhưng phía nguyên đơn bà T không đồng ý vì bà T cho rằng hiện gia đình bà O, ông H có khả năng trả nợ cho bà, việc bà O làm chủ hội có ăn tiền hoa hồng nhưng không thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ và để kéo dài thời gian hơn 02 năm nay không chịu trả cho bà. Vì vậy, bà không đồng ý cho bà O và ông H trả dần số tiền trên. Do phía bà T không đồng ý cho bà O và ông H trả dần số tiền 23.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận yêu cầu của O và ông H.

[4] *Về lãi suất*: Hội các bên tham gia chơi là hội có thỏa thuận lãi, tuy nhiên các bên không thỏa thuận mức lãi suất cụ thể. Bà Mai Thị T yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên, với thời gian tính lãi bằng 32 tháng theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định 19/21019/NĐ-CP, ngày 29/02/2019, Hội đồng xét xử tính lãi suất như sau: 23.500.000 đồng x 10%/năm x 32 tháng = 6.267.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí buộc bà Nguyễn Thị O, ông Trần Văn H phải nộp 1.488.000 đồng (29.767.000 đồng x 5%).

Bà Mai Thị T được nhận lại 773.000 đồng tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0001823, ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang, vì yêu cầu của bà được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 26, 35, 39, 147 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Áp dụng Nghị định 19/21019/NĐ-CP ngày 29/02/2019 của Chính phủ về hội, họ.

1. Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị T.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị O và ông Trần Văn H phải có nghĩa vụ trả cho bà Mai Thị T số tiền 29.767.000 (hai mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Mai Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà Nguyễn Thị O và ông Trần Văn H không trả đủ số tiền trên cho bà T thì hàng tháng bà Nguyễn Thị O và ông Trần Văn H còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với khoản tiền chưa trả tương ứng với thời gian chưa thi hành án tại thời điểm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị O, ông Trần Văn H phải nộp 1.488.000 đồng.

Bà Mai Thị T được nhận lại 773.000 đồng tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0001823, ngày 15/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

“Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a, Điều 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang